TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978
Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1970
Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2022. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn H chung sống vào năm 2000 đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là huyện B1), tỉnh Bình Dương theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống chúng tôi đều còn độc thân.Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do ông H hay ghen tuông vô cớ. Càng ngày mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng nhiều do

bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên ghen tuông và còn mắng chửi tất cả người đàn ông nào nói chuyện với bà T. Vì thế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống gia đình mệt mỏi và áp lực, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H không có hạnh phúc. Năm 2019 bà T từng gửi đơn ly hôn nhưng bà đã rút đơn để hàn gắn gia đình. Bà T cố gắng khuyên nhủ và chịu đựng nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống không có hạnh phúc nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn H1 sinh năm 2001, Nguyễn Thị H2, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét về nuôi dưỡng cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn H trình bày **:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng vẫn thường hay mẫu thuẫn do bà T có quen với nhiều người đàn ông khác mà theo ông H là quan hệ không bình thường vì nhỏ hơn bà T 5, 6 tuổi nhưng xưng hô anh em với bà T, kiểm tra điện thoại ông H phát hiện bà T và những người này liên lạc qua điện thoại thường xuyên sáng trưa chiều tối đều có cả. Mặc dù ông H không bắt được họ có cặp bồ với nhau không nhưng theo ông H như vậy là không bình thường. Ngoài ra bà T còn đem tiền cho họ mượn mà không trao đổi gì với ông H, khi ông H phát hiện thì bà T nói thấy người ta khổ quá giúp. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông H không đồng ý vì ông H vẫn thương vợ thương con, ông H mong muốn gia đình đoàn tụ xây dựng gia đình.

Về nuôi con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị H1 sinh năm 2001, Nguyễn Thị H2, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét về nuôi dưỡng cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71,72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà T và ông H chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Nguyễn H có nơi cư trú tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000 đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B (nay là huyện B1), tỉnh Bình Dương theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, ông H hay ghen tuông vô cớ. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều, sự ghen tuông quá mức của ông H làm cho cuộc sống gia đình mệt mỏi và áp lực, hôn nhân giữa bà T và ông H không có hạnh phúc. Năm 2019 bà T từng gửi đơn ly hôn nhưng bà đã rút đơn để hàn gắn gia đình. Bà T cố gắng khuyên nhủ và chịu đựng nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Ông H cũng thống nhất trong quá trình chung vợ chồng cũng có xẩy ra cãi vã, mâu thuẫn nguyên nhân do bà T có quen với nhiều người đàn ông khác mà theo ông H là quan hệ không bình thường, việc vợ chồng mâu thuẫn nhau đều do sự ghen tuông của ông. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Ông H không đồng ý ly hôn vì ông H vẫn thương vợ thương con, ông H mong muốn gia đình đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng bà T không đồng ý. Xét thấy, giữa bà T và ông H thường xẩy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống cùng nhà nhưng không không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà T cho bà T được ly hôn với ông H.

[3.3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông H có 02 con chung tên 02 con chung tên Nguyễn Thị H1 sinh năm 2001, Nguyễn Thị H2, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông H không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn H.

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011713 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã L-huyện B1-Bình Dương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Thiều **Nguyễn Việt Thành** **Ung Thị Ngọc Thanh**